

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số : 18/2020/DS-ST
Ngày : 17-6-2020
V/V “tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Ngọc Đình.

Bà Võ Thị Kim Sinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An: Bà Lê Thị Ngọc Lan- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 11/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2020 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2020/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị L. Địa chỉ: ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị L: Ông Võ Hòa T. Địa chỉ: ấp 6, xã C, huyện L, tỉnh Long An.

Bị đơn: Bà Phạm Thị N. Địa chỉ: ấp 9, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Cẩm D. Địa chỉ: ấp 5, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30-12-2019 và quá trình giải quyết vụ án ông Võ Hòa T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Trước ngày 16/6/2019 bà Cẩm D có nợ bà L khoảng 1.000.000.000 đồng, bà D không có khả năng thanh toán cho bà L số tiền trên. Thời gian này, có một số người nợ bà D tiền thức ăn chăn nuôi, trong đó có bà Phạm Thị N nên giữa bà L và bà D cùng với bà N thống nhất chuyển nghĩa vụ thanh toán nợ từ bà D sang cho bà N đối với bà L là

300.000.000 đồng. Vì vậy, ngày 16 tháng 6 năm 2019, bà N có ký giấy nhận nợ của bà L số tiền là 300.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận miệng với lãi suất là 1%/tháng, thời hạn vay là hết vụ thanh long năm 2019 thì bà N trả 300.000.000 đồng vốn vay, sau đó thì bà N không thực hiện việc trả tiền vay và tiền lãi theo thỏa thuận, mặc dù bà L có đến nhà đòi nợ. Bà L yêu cầu bà N trả cho bà L số tiền vay là 300.000.000 đồng, yêu cầu trả một lần, không yêu cầu trả tiền lãi, trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà Phạm Thị N là bị đơn trình bày: Bà N có mua thức ăn chăn nuôi gà, heo và nợ tiền thức ăn chăn nuôi, tiền hụi, tiền lãi của tiền hụi của đại lý Năm H tổng cộng là 220.000.000 đồng. Bà D là vợ ông H (đại lý Năm H) yêu cầu bà N viết giấy nhận nợ với bà Nguyễn Thị Bích T ngày 16 tháng 01 năm 2018, bà N viết giấy nhận nợ theo yêu cầu của bà D, bà N vẫn trả tiền lãi cho bà D. Sau đó bà N không có tiền trả nợ, cộng thêm tiền mua bán thức ăn chăn nuôi, tiền lãi nên số nợ là 300.000.000 đồng, bà D yêu cầu bà N viết giấy nhận nợ đối với bà L, bà T đã trả lại giấy nợ cho bà.

Nay bà L yêu cầu bà N trả số tiền trên thì bà N không đồng ý, vì bà N không có nợ tiền với bà L, bà cũng không biết mặt bà L. Bà D không có nói với bà việc chuyển nghĩa vụ thanh toán nợ giữa bà D với bà L sang cho bà để bà có nghĩa vụ trả cho bà L. Bà thừa nhận chữ viết, chữ ký trong giấy mượn tiền ngày 16/6/2019 “*Giấy mượn tiền... Phạm Thị N*” là do bà viết và ký tên.

Qua bản tường trình của bà D ngày 27/02/2020 thì bà xác định bà không có nợ bà L số tiền là 300.000.000 đồng như bà D đã trình bày, bà chỉ nợ bà D tiền hụi, tiền thức ăn chăn nuôi và tiền lãi, tổng cộng là 300.000.000 đồng, bà chỉ đồng ý trả cho bà D 300.000.000 đồng, bà xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho bà D cho đến khi xong nợ.

Tại phiên tòa bà N xác định: Bà D đồng ý cho bà trả dần một tháng 2.000.000 đồng cho đến khi xong nợ, bà không yêu cầu tính lại số tiền lãi đã trả cho bà D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Người tiến hành tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi giải quyết vụ án dân sự Thẩm phán tuân thủ các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Những người tham gia phiên tòa: Các đương sự thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Bà L yêu cầu bà N trả 300.000.000 đồng nợ vốn vay. Bà N cho rằng việc bà N chỉ nợ bà D số tiền vay trên, bà N cũng không biết mặt bà L nhưng bà N đã thừa nhận chữ ký trong “giấy mượn tiền” là do bà N ký tên, bà N đã mặc nhiên thừa nhận việc chuyển giao nghĩa vụ từ bà D sang cho bà N đối với bà L nên ngày 16/6/2019 bà N ký tên mượn tiền bà L 300.000.000 đồng. Do đó cần buộc bà N phải trả cho bà L nợ vốn vay là 300.000.000 đồng.

Tại phiên tòa các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, cũng như không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng khác và không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ của vụ án và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Võ Thị L khởi kiện bà Phạm Thị N về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại các điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Bà D có đơn xin vắng mặt, Tòa án căn cứ vào các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy bà L yêu cầu bà N phải trả cho bà L 300.000.000 đồng tiền vốn vay. Bà N xác định bà có ký “giấy mượn tiền” ngày 16/6/2019 với bà L và chữ ký là do bà N ký tên, không ai ép buộc bà N, nhưng bà N cho rằng bà N chỉ nợ bà D số tiền là 300.000.000 đồng chứ bà N không có nợ bà L. Việc chuyển giao nghĩa vụ của bà D sang cho bà N nhưng bà D và bà L không thông báo cho bà N biết nên bà N không đồng ý.

Tại bản tường trình của bà D ngày 27/02/2020 xác định: “... Thời gian này tôi có nợ bà L 300.000.000 đồng. Sau khi bàn bạc nên ngày 16/6/2019 bà Phạm Thị N đã lập văn bản mượn tiền của bà L là 300.000.000 đồng, đồng thời xóa nợ của tôi. Do tôi đã chuyển giao quyền và nghĩa vụ cho bà L và bà N trong thỏa thuận này nên tôi không còn quyền, nghĩa vụ gì liên quan đến số tiền nợ nêu trên giữa bà N và bà L...”

Tại khoản 2 Điều 365 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “... Việc chuyển giao quyền yêu cầu không cần có sự đồng ý của bên có nghĩa vụ...” và tại khoản 1 Điều 370 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “1. Bên có nghĩa vụ có thể chuyển giao nghĩa vụ cho người thế nghĩa vụ nếu được bên có quyền đồng ý,...”, ngày 16/6/2019 bà Phạm Thị N đã xác lập văn bản “giấy mượn tiền” đối với bà L là 300.000.000 đồng, đồng thời đã mặc nhiên chấp nhận thực hiện việc chuyển giao nghĩa vụ từ bà D sang cho bà N để bà N trả nợ cho bà L. Lời trình bày của bà N mâu thuẫn với bản tường trình của bà D vào ngày 27/02/2020, bà N cho rằng bà D không có thông báo với bà N việc chuyển giao nghĩa vụ thanh toán nợ giữa bà D với bà L sang cho bà N để bà N có nghĩa vụ trả nợ cho bà L, trong trường hợp này việc chuyển giao nghĩa vụ không cần phải có sự đồng ý của bà N và bà N đã ký vào “giấy mượn tiền” với bà Võ Thị L. Bà N cũng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh việc bà D đồng ý cho bà N trả dần như bà N đã trình bày.

Từ các căn cứ trên có đủ cơ sở xác định việc bà N nợ bà L 300.000.000 đồng tiền vốn vay. Nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L buộc bà N trả cho bà L 300.000.000 đồng tiền vốn vay theo quy định tại các điều 365, 370, 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành về toàn bộ nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L là phù hợp.

[4] Về án phí: Bà N phải chịu án phí theo quy định. Bà L không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 365, 370, 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị L về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bà Phạm Thị N.

Buộc bà Phạm Thị N phải trả cho bà Võ Thị L 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) tiền vốn vay.

Kể từ ngày bản án (quyết định) có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà L được nhận lại 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000224 ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

3. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh
- Viện kiểm sát huyện
- Chi cục THA dân sự huyện
- Các đương sự
- Lưu (hồ sơ, án văn)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Bảo Trí

